

THÔNG TƯ

Quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ;

Thông đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định về việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là tái cấp vốn).

Điều 2. Số tiền tái cấp vốn

Tổng số tiền tái cấp vốn tối đa 16.000 tỷ đồng (mười sáu nghìn tỷ đồng).

Điều 3. Lãi suất tái cấp vốn

1. Lãi suất tái cấp vốn là 0%/năm.

2. Lãi suất tái cấp vốn quá hạn là 0%/năm.

Điều 4. Thời hạn tái cấp vốn, giải ngân tái cấp vốn

1. Thời hạn tái cấp vốn là 364 ngày, kể từ ngày tiếp theo liền kề ngày Ngân hàng Nhà nước giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Thời hạn tái cấp vốn quy định tại khoản 1 Điều này được áp dụng theo từng lần giải ngân quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này.

3. Thời hạn giải ngân tái cấp vốn từ ngày ký khế ước nhận nợ đầu tiên đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020.

Điều 5. Tài sản bảo đảm

Ngân hàng Nhà nước tái cấp vốn không có tài sản bảo đảm đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

Điều 6. Trình tự tái cấp vốn

1. Ngân hàng Chính sách xã hội gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 01 bản Giấy đề nghị vay tái cấp vốn theo Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này đến trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước (Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả).

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị vay tái cấp vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội quy định tại khoản 1 Điều này, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Quyết định tái cấp vốn quy định tại khoản 2 Điều này, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện ký Hợp đồng nguyên tắc về tái cấp vốn với các nội dung cơ bản theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Ngân hàng Nhà nước giải ngân tái cấp vốn từng lần đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo trình tự sau:

a) Trên cơ sở Hợp đồng nguyên tắc về tái cấp vốn quy định tại khoản 3 Điều này và Danh sách người sử dụng lao động đủ điều kiện vay vốn để trả lương ngừng việc đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg), Ngân hàng Chính sách xã hội gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 01 bản Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này đến Ngân hàng Nhà nước (Sở Giao dịch).

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội quy định tại điểm a khoản này, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước phê duyệt, giải ngân tái cấp vốn theo số tiền tại Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn của Ngân hàng Chính sách xã

hội sau khi Khế ước nhận nợ theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này đã được ký.

Điều 7. Trả nợ vay tái cấp vốn

1. Khi khoản vay tái cấp vốn đến hạn, Ngân hàng Chính sách xã hội phải trả hết nợ gốc vay tái cấp vốn đã được giải ngân theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này cho Ngân hàng Nhà nước từ tiền trả nợ của người sử dụng lao động vay vốn theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg (sau đây gọi là người sử dụng lao động).

2. Trường hợp đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020, Ngân hàng Chính sách xã hội không giải ngân hết số tiền đã nhận giải ngân theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư này thì chậm nhất đến ngày 15 tháng 8 năm 2020, Ngân hàng Chính sách xã hội phải trả Ngân hàng Nhà nước số tiền không giải ngân hết theo thứ tự từ Khế ước nhận nợ còn dư nợ được ký sớm nhất.

3. Trường hợp khoản vay tái cấp vốn đến hạn, Ngân hàng Chính sách xã hội không trả hết nợ theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Ngân hàng Nhà nước chuyển khoản tái cấp vốn sang theo dõi quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng.

4. Trường hợp phát sinh tiền trả nợ của người sử dụng lao động, trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu tháng tiếp theo, Ngân hàng Chính sách xã hội phải sử dụng toàn bộ số tiền trả nợ của người sử dụng lao động trong tháng để trả nợ vay tái cấp vốn theo thứ tự từ Khế ước nhận nợ còn dư nợ được ký sớm nhất (bao gồm trường hợp khoản vay tái cấp vốn đã chuyển sang theo dõi quá hạn, khoản vay tái cấp vốn chưa đến hạn), trừ trường hợp khoản nợ vay của người sử dụng lao động đã được xóa theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

5. Trường hợp phát hiện Ngân hàng Chính sách xã hội có tiền trả nợ của người sử dụng lao động mà không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều này và/hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng Nhà nước áp dụng biện pháp xử lý như sau:

a) Áp dụng lãi suất bằng lãi suất cho vay quá hạn của Ngân hàng Chính sách xã hội đối với người sử dụng lao động theo quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg (12%/năm) đối với số tiền chưa trả đúng, kể từ ngày tiếp theo liền kề sau ngày phải trả theo quy định tại Thông tư này đến ngày Ngân hàng Chính sách xã hội trả hết số tiền chưa trả đúng;

b) Trích tài khoản tiền gửi của Ngân hàng Chính sách xã hội tại Ngân hàng Nhà nước để thu hồi số tiền vay tái cấp vốn mà Ngân hàng Chính sách xã hội chưa trả đúng và tiền lãi quy định tại điểm a Khoản này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước nhận được văn bản thông báo vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 5 Điều 9 Thông tư này.

6. Ngân hàng Nhà nước xử lý rủi ro đối với khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại điểm b khoản 3 Mục IV Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và các quy định của pháp luật liên quan.

Điều 8. Trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho Ngân hàng Nhà nước các văn bản, tài liệu về việc vay tái cấp vốn. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các văn bản, tài liệu đã cung cấp.

2. Ký Hợp đồng nguyên tắc về tái cấp vốn, Khế ước nhận nợ với Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, nhận giải ngân tiền vay tái cấp vốn và trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại Thông tư này.

3. Sử dụng tiền vay tái cấp vốn đúng mục đích; theo dõi, hạch toán, quản lý riêng khoản vay tái cấp vốn quy định tại Thông tư này.

4. Chậm nhất vào ngày 20 tháng 8 năm 2020, Ngân hàng Chính sách xã hội có văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về số liệu tiền vay tái cấp vốn đã giải ngân theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg theo Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư này, đồng thời gửi Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế; thời gian chốt số liệu từ ngày bắt đầu nhận giải ngân tiền vay tái cấp vốn đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020.

5. Trong thời hạn 10 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo sau tháng phát sinh tiền trả nợ của người sử dụng lao động, Ngân hàng Chính sách xã hội có văn bản giấy, gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Ngân hàng Nhà nước (Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế), báo cáo về việc trả nợ vay tái cấp vốn từ tiền trả nợ của người sử dụng lao động theo Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này; thời gian chốt số liệu từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng phát sinh tiền trả nợ của người sử dụng lao động.

6. Đôn đốc, thu hồi khoản cho vay người sử dụng lao động để trả nợ vay tái cấp vốn Ngân hàng Nhà nước.

Điều 9. Trách nhiệm các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước

1. Vụ Chính sách tiền tệ

a) Đầu mỗi trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quyết định tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Thông tư này;

b) Đầu mỗi xử lý các vướng mắc phát sinh liên quan đến quy định tại Thông tư này.

2. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng

a) Giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;

b) Trường hợp phát hiện Ngân hàng Chính sách xã hội có tiền trả nợ của người sử dụng lao động mà không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 7 và/hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản thông báo vi phạm gửi Ngân hàng Chính sách xã hội, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế. Văn bản thông báo vi phạm xác định rõ nội dung vi phạm và biện pháp xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này.

3. Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước

a) Thực hiện ký Hợp đồng nguyên tắc về tái cấp vốn, phê duyệt và giải ngân tái cấp vốn, thu nợ tái cấp vốn, chuyển khoản tái cấp vốn sang theo dõi quá hạn theo quy định tại Thông tư này và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện các biện pháp quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này sau khi nhận được văn bản thông báo vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 5 Điều này;

c) Trong thời hạn 15 ngày làm việc đầu tiên của tháng tiếp theo của tháng báo cáo, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về số liệu tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này; đồng thời gửi Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế; thời gian chốt số liệu từ ngày 01 đến hết ngày cuối cùng của tháng báo cáo.

4. Vụ Tài chính - Kế toán

a) Hướng dẫn hạch toán kế toán liên quan đến việc tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội quy định tại Thông tư này;

b) Đầu mối trong việc thực hiện xử lý rủi ro phát sinh đối với khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Giám sát, thanh tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền đối với đơn vị trực thuộc của Ngân hàng Chính sách xã hội trên địa bàn trong việc thực hiện các quy định tại Thông tư này;

b) Trường hợp phát hiện Ngân hàng Chính sách xã hội có tiền trả nợ của người sử dụng lao động mà không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 7 và/hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội không trả nợ vay tái cấp vốn theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản thông báo vi phạm gửi Ngân hàng Chính sách xã hội, Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước, Vụ Chính sách tiền tệ, Vụ Tín dụng các ngành kinh tế, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng. Văn bản thông báo vi phạm xác định rõ nội dung vi phạm và biện pháp xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Thông tư này.

6. Cục Công nghệ thông tin

Tổ chức nâng cấp, chỉnh sửa hệ thống phần mềm nghiệp vụ đáp ứng theo quy định tại Thông tư này.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 5 năm 2020.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Chính sách tiền tệ, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này. *...*

Nơi nhận:

- Như Khoản 2 Điều 10;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư;
- Bảo hiểm Xã hội Việt Nam;
- Công báo;
- Lưu: VP, PC, CSTT (03). *...*

**KT. THÔNG ĐỐC
PHÓ THÔNG ĐỐC**



Nguyễn Thị Hồng

Phụ lục I

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-NHNN ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

Số:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2020

GIẤY ĐỀ NGHỊ VAY TÁI CẤP VỐN

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (qua Vụ Chính sách tiền tệ)

Tên tổ chức tín dụng: Ngân hàng Chính sách xã hội

Địa chỉ: ...

Điện thoại: ...

Fax:...

Số hiệu tài khoản tiền gửi bằng VND: ... tại Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-NHNN ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

Ngân hàng Chính sách xã hội đề nghị vay tái cấp vốn tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 như sau:

1. Số tiền vay tái cấp vốn: Tối đa 16.000 tỷ đồng (mười sáu nghìn tỷ đồng). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải ngân tái cấp vốn từng lần theo số tiền tại Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Thời hạn vay tái cấp vốn: 364 ngày, kể từ ngày tiếp theo liền kề ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội (tính theo từng lần giải ngân).

3. Lãi suất: 0%/năm.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội vay tái cấp vốn không có tài sản bảo đảm tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngân hàng Chính sách xã hội cam kết tuân thủ đúng các quy định tại Thông tư số 05/2020/TT-NHNN ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu: ...

**Người đại diện hợp pháp
của Ngân hàng Chính sách xã hội**
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-NHNN ngày 07 tháng 5 năm 2020 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm 2020

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

**Về tái cấp vốn để cho người sử dụng lao động vay theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg
ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ giữa Ngân hàng Nhà nước
Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội**

Số:/2020/HĐNT-NHNN-NHCSXH

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 16 tháng 6 năm 2010 và Luật sửa
đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 20 tháng 11 năm
2017;

Căn cứ Nghị định số 16/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của
Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người
dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là Quyết định số
15/2020/QĐ-TTg);

Căn cứ Thông tư số 05/2020/TT-NHNN ngày 07 tháng 5 năm 2020 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn đối với Ngân
hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4
năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách
hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là Thông tư
số 05/2020/TT-NHNN);

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-NHNN ngày ... tháng ... năm 2020 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tái cấp vốn đối với Ngân
hàng Chính sách xã hội...;

Hôm nay, ngày tháng năm 2020 tại ..., Sở giao dịch Ngân hàng Nhà
nước Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội tiến hành ký Hợp đồng nguyên
tắc về tái cấp vốn theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg;

**Bên cho vay tái cấp vốn (Bên A): Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước
Việt Nam**

- Ông/Bà:.....

- Chức vụ: ...
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:
- Số hiệu tài khoản tiền gửi thanh toán bằng VND:.....tại

Bên vay tái cấp vốn (Bên B): Ngân hàng Chính sách xã hội

- Ông/Bà:.....
- Chức vụ:.....

Theo giấy ủy quyền sốcủa (nếu có)

- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax:

Số tài khoản tiền gửi thanh toán bằng đồng Việt Nam:tại
Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Hai bên cam kết thực hiện các thỏa thuận dưới đây:

Điều 1. Mục đích tái cấp vốn

Bên A tái cấp vốn đối với Bên B để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

Điều 2. Số tiền tái cấp vốn

- Bằng số: Tối đa 16.000 tỷ đồng.
- Bằng chữ: Tối đa mười sáu nghìn tỷ đồng.

Điều 3. Lãi suất tái cấp vốn

- Lãi suất tái cấp vốn: 0%/năm
- Lãi suất tái cấp vốn quá hạn: 0%/năm

Điều 4. Thời hạn

1. Thời hạn tái cấp vốn: 364 ngày, kể từ ngày tiếp theo liền kề ngày Bên A giải ngân tái cấp vốn đối với Bên B.

2. Thời hạn tái cấp vốn quy định tại khoản 1 Điều này được tính theo từng lần giải ngân quy định tại Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc này. Trường hợp ngày trả nợ trùng vào ngày nghỉ, ngày lễ, ngày tết thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

3. Thời hạn giải ngân tái cấp vốn từ ngày ký Khế ước nhận nợ đầu tiên đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020.

Điều 5. Giải ngân tái cấp vốn

Bên A giải ngân tái cấp vốn từng lần đối với Bên B theo trình tự sau:

1. Trên cơ sở Hợp đồng nguyên tắc này và Danh sách người sử dụng lao động đủ điều kiện vay vốn để trả lương ngừng việc đã được Ủy ban nhân dân

cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg, Bên B gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính 01 bản Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn theo Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-NHNN đến Bên A.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn của Bên B quy định tại khoản 1 Điều này, Bên A phê duyệt, giải ngân tái cấp vốn theo số tiền tại Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn của Bên B vào tài khoản tiền gửi thanh toán bằng đồng Việt Nam: của Bên B tại Bên A sau khi Khế ước nhận nợ theo Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-NHNN đã được ký.

Điều 6. Trả nợ vay tái cấp vốn

1. Khi khoản vay tái cấp vốn đến hạn, Bên B phải trả hết nợ gốc vay tái cấp vốn đã được Bên A giải ngân theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc này cho Bên A từ tiền trả nợ của người sử dụng lao động vay vốn theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg (sau đây gọi người sử dụng lao động).

2. Trường hợp đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020, Bên B không giải ngân hết số tiền đã được Bên A giải ngân tái cấp vốn theo quy định tại Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc này thì chậm nhất ngày 15 tháng 8 năm 2020, Bên B phải trả Bên A số tiền không giải ngân hết theo thứ tự từ Khế ước nhận nợ còn dư nợ được ký sớm nhất.

3. Trường hợp khoản vay tái cấp vốn đến hạn, Bên B không trả hết nợ theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Bên A chuyển khoản tái cấp vốn sang theo dõi quá hạn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và tổ chức tín dụng.

4. Trường hợp phát sinh tiền trả nợ của người sử dụng lao động, trong thời hạn 05 ngày làm việc đầu tháng tiếp theo, Bên B phải sử dụng toàn bộ số tiền trả nợ của người sử dụng lao động trong tháng để trả nợ vay tái cấp vốn theo thứ tự từ Khế ước nhận nợ còn dư nợ được ký sớm nhất (bao gồm trường hợp khoản vay tái cấp vốn đã chuyển sang theo dõi quá hạn, khoản vay tái cấp vốn chưa đến hạn), trừ trường hợp khoản nợ vay của người sử dụng lao động đã được xóa theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg.

5. Trường hợp nhận được văn bản thông báo vi phạm quy định tại điểm b khoản 2, điểm b khoản 5 Điều 9 Thông tư 05/2020/TT-NHNN, Bên A áp dụng biện pháp xử lý như sau:

a) Áp dụng lãi suất bằng lãi suất cho vay quá hạn của Bên B đối với người sử dụng lao động theo quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg (12%/năm) đối với số tiền chưa trả đúng, kể từ ngày tiếp theo liền kề sau ngày phải trả theo quy định tại Thông tư 05/2020/TT-NHNN đến ngày Bên B trả hết số tiền chưa trả đúng;

b) Trích tài khoản tiền gửi của Bên B tại Bên A để thu hồi số tiền vay tái

cấp vốn mà Bên B chưa trả đúng và tiền lãi theo quy định tại điểm a Khoản này trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận được văn bản thông báo vi phạm.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

- a) Thực hiện phê duyệt, giải ngân, thu nợ vay tái cấp vốn của Bên B theo đúng quy định;
- b) Yêu cầu Bên B cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu liên quan đến khoản tái cấp vốn.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

- a) Thực hiện ký Khế ước nhận nợ, nhận giải ngân, trả nợ vay tái cấp vốn theo đúng quy định;
- b) Sử dụng vốn vay tái cấp vốn đúng mục đích;
- c) Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác cho Bên A các văn bản, tài liệu về việc vay tái cấp vốn theo quy định tại Thông tư 05 /2020/TT-NHNN và quy định tại điểm b khoản 1 Điều này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, hợp pháp của các văn bản, tài liệu đã cung cấp;
- d) Thực hiện các trách nhiệm quy định tại Thông tư số 05 /2020/TT-NHNN.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung quy định tại Hợp đồng nguyên tắc này và các quy định tại Thông tư số 05 /2020/TT-NHNN.
2. Khế ước nhận nợ quy định tại Điều 5 Hợp đồng nguyên tắc này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng nguyên tắc.
3. Hai bên thực hiện sửa đổi, bổ sung các nội dung của Hợp đồng nguyên tắc này khi có sự thay đổi về chính sách, quy định của cấp có thẩm quyền.
4. Hợp đồng nguyên tắc này tự động thanh lý khi Bên B hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Bên A theo quy định tại Thông tư số 05 /2020/TT-NHNN.
5. Hợp đồng nguyên tắc này được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản và có hiệu lực kể từ ngày ký./.

BÊN A (BÊN CHO VAY TÁI CẤP VỐN)
ĐẠI DIỆN SỞ GIAO DỊCH NHNN VIỆT NAM
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

BÊN B (BÊN VAY TÁI CẤP VỐN)
ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-NHNN ngày 07 tháng 5 năm 2020 của
Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2020

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN TÁI CẤP VỐN

Kính gửi: Sở Giao dịch - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tên tổ chức tín dụng: **Ngân hàng Chính sách xã hội**

Địa chỉ: ... Điện thoại: ... Fax: ...

Số hiệu tài khoản tiền gửi bằng VND: ... tại Sở Giao dịch - Ngân hàng
Nhà nước Việt Nam

Người đại diện:..... Chức vụ:..... Giấy ủy quyền số (nếu có)

Căn cứ Thông tư số 05 /2020/TT-NHNN ngày 07 tháng 5 năm 2020 của
Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn đối với Ngân
hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4
năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách
hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 (sau đây gọi là Quyết
định số 15/2020/QĐ-TTg);

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-NHNN ngày ... tháng ... năm 2020 của
Tổng đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tái cấp vốn đối với Ngân
hàng Chính sách xã hội...;

Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc .../2020/HĐNT-NHNN-NHCSXH;

Ngân hàng Chính sách xã hội đề nghị Sở Giao dịch - Ngân hàng Nhà
nước Việt Nam giải ngân số tiền vay tái cấp vốn (bằng số) ... đồng, (bằng chữ)
... đồng để cho người sử dụng lao động vay theo Quyết định số 15/2020/QĐ-
TTg (đính kèm Bảng chi tiết số tiền đề nghị giải ngân tái cấp vốn để cho người
sử dụng lao động vay theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg).

Ngân hàng Chính sách xã hội cam kết và chịu hoàn toàn trách nhiệm
trước pháp luật về các thông tin, số liệu tại Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn
này và Bảng chi tiết số tiền đề nghị giải ngân tái cấp vốn để cho người sử dụng
lao động vay theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg là chính xác; cam kết tuân
thủ đúng các quy định tại Thông tư số 05 /2020/TT-NHNN và quy định của
pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

**Người đại diện hợp pháp của
Ngân hàng Chính sách xã hội**
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

**BẢNG CHI TIẾT SỐ TIỀN ĐỀ NGHỊ GIẢI NGÂN TÁI CẤP VỐN ĐỂ CHO
NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VAY THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 15/2020/QĐ-TTg
(Kèm theo Giấy đề nghị số..... ngày... tháng....năm 2020)**

Đơn vị: Đồng

STT	Tỉnh/ thành phố trực thuộc Trung ương	Số tiền đề nghị giải ngân tái cấp vốn để cho người sử dụng lao động vay		
		Tổng số tiền	Tháng .../2020	...
(1)	(2)	(3) = (4) + (5)	(4)	(5)
1	Tỉnh A
2	Thành phố B
...
Tổng cộng	

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2020

Người lập bảng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người đại diện hợp pháp
của Ngân hàng Chính sách xã hội**
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

Hướng dẫn lập bảng:

- Số liệu tại cột (4), (5) tổng hợp từ Danh sách người sử dụng lao động đủ điều kiện vay vốn để trả lương ngừng việc đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg theo từng tháng.

- Trường hợp Ngân hàng Chính sách xã hội tổng hợp số liệu từ Danh sách người sử dụng lao động đủ điều kiện vay vốn để trả lương ngừng việc đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt từ 02 tháng trở lên thì chi tiết theo từng tháng.

Phụ lục IV

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-NHNN ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm 2020

KHẾ ƯỚC NHẬN NỢ

Giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với Ngân hàng Chính sách xã hội

Số:

(Kèm theo Hợp đồng nguyên tắc số...../2020/HĐNT-NHNN-NHCSXH)

Tên tổ chức tín dụng: **Ngân hàng Chính sách xã hội**

Địa chỉ:

Số hiệu tài khoản tiền vay/ tiền gửi thanh toán: tại Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

- Căn cứ Thông tư số 05 /2020/TT-NHNN ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19;

- Căn cứ Quyết định số .../QĐ-NHNN ngày ... tháng ... năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội...;

- Căn cứ Hợp đồng nguyên tắc giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội số/2020/HĐNT-NHNN-NHCSXH

- Căn cứ Giấy đề nghị giải ngân tái cấp vốn số ...

Ngân hàng Chính sách xã hội nhận nợ vay tái cấp vốn với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo các nội dung sau:

1. Số tiền tái cấp vốn:

- Bằng số:....

- Bằng chữ:...

2. Thời hạn tái cấp vốn: 364 ngày, kể từ ngày tiếp theo liền kề ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Lãi suất tái cấp vốn: 0%/năm.

4. Ngày giải ngân:

5. Ngày đến hạn:

6. Mục đích tái cấp vốn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Ngân hàng Chính sách xã hội cam kết thực hiện theo đúng quy định tại Thông tư số 05 /2020/TT-NHNN ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19 và Hợp đồng nguyên tắc giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Ngân hàng Chính sách xã hội số/2020/HĐNT-NHNN-NHCSXH./.

TRƯỞNG BAN

(Ký, ghi rõ họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**PHÊ DUYỆT GIẢI NGÂN TÁI CẤP VỐN
CỦA SỞ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

1. Số tiền tái cấp vốn:

- Bằng số:....

- Bằng chữ:...

2. Thời hạn tái cấp vốn: 364 ngày, kể từ ngày tiếp theo liền kề ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Lãi suất tái cấp vốn: 0%/năm.

4. Ngày giải ngân:

5. Ngày đến hạn:

6. Mục đích tái cấp vốn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giải ngân tái cấp vốn đối với Ngân hàng Chính sách xã hội để cho người sử dụng lao động vay trả lương ngừng việc theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2020

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN SỞ GIAO DỊCH NGÂN HÀNG
NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

THEO DÕI GIẢI NGÂN VÀ THU NỢ TÁI CẤP VỐN

1. Giải ngân tái cấp vốn

Ngày tháng năm	Số tiền tái cấp vốn	Lãi suất tái cấp vốn	Thời hạn tái cấp vốn	Ký nhận, đóng dấu của Ngân hàng Chính sách xã hội

2. Thu nợ tái cấp vốn

Ngày tháng năm	Số tiền thu nợ		Dư nợ tái cấp vốn
	Số tiền gốc	Số tiền lãi	

3. Theo dõi nợ quá hạn

Ngày tháng năm	Số tiền tái cấp vốn chuyển nợ quá hạn	Lãi suất nợ quá hạn	Số tiền trả nợ gốc	Số tiền trả nợ lãi	Dư nợ tái cấp vốn quá hạn

Handwritten mark

Phụ lục V

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-NHNN ngày 01 tháng 5 năm 2020 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2020

Kính gửi: Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

**BÁO CÁO SỐ LIỆU TIỀN VAY TÁI CẤP VỐN ĐÃ GIẢI NGÂN
THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 15/2020/QĐ-TTg**

Đến hết ngày 31 tháng 7 năm 2020

Đơn vị: đồng

STT	Số hiệu, ngày tháng năm Kế ước nhận nợ	Số tiền Ngân hàng Chính sách xã hội nhận giải ngân vay tái cấp vốn	Số tiền vay tái cấp vốn Ngân hàng Chính sách xã hội đã giải ngân theo Quyết định 15/2020/QĐ-TTg	Số tiền vay tái cấp vốn Ngân hàng Chính sách xã hội không giải ngân hết phải trả NHNN
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)
1				
2				
...				
Tổng				

Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người đại diện hợp pháp của
Ngân hàng Chính sách xã hội**
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ Chính sách tiền tệ;
- Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước;
- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;
- Vụ Tín dụng các ngành kinh tế.
- Lưu: ...

Phụ lục VI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-NHNN ngày 07 tháng 5 năm 2020 của
Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

**NGÂN HÀNG
CHÍNH SÁCH XÃ HỘI**

Số:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:

- Vụ Chính sách tiền tệ;
- Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước;
- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;
- Vụ Tín dụng các ngành kinh tế.

**BÁO CÁO VỀ VIỆC TRẢ NỢ VAY TÁI CẤP VỐN TỪ TIỀN TRẢ NỢ CỦA NGƯỜI
SỬ DỤNG LAO ĐỘNG VAY VỐN THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 15/2020/QĐ-TTg**

Tháng ... năm ...

Đơn vị: đồng

STT	Số hiệu, ngày tháng năm Kế ước nhận nợ	Số tiền vay tái cấp vốn Ngân hàng Chính sách xã hội đã nhận giải ngân	Số dư vay tái cấp vốn đến cuối tháng trước liền kề tháng báo cáo	Số tiền thu hồi nợ của người sử dụng lao động trong tháng trước liền kề tháng báo cáo	Số tiền trả nợ vay tái cấp vốn trong tháng báo cáo	Số dư vay tái cấp vốn đến cuối tháng báo cáo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7) = (4) - (6)
1						
2						
...						
Tổng						

Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Người đại diện hợp pháp của
Ngân hàng Chính sách xã hội**
(Ký, ghi rõ chức danh, họ tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu:

Phụ lục VII
(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-NHNN ngày 07 tháng 5 năm 2020 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam)

Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước

Số:

BÁO CÁO SỐ LIỆU TÁI CẤP VỐN ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 15/2020/QĐ-TTg
Tháng ... năm ...

Đơn vị: Đồng

STT	Số hiệu ngày tháng năm Khế ước nhận nợ	Dư nợ tái cấp vốn đầu tháng báo cáo	Giải ngân		Thu nợ		Chuyển quá hạn		Dư nợ cuối tháng báo cáo	
			Số tiền	Ngày	Số tiền	Ngày	Số tiền	Ngày	Tái cấp vốn trong hạn	Tái cấp vốn quá hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
Tổng số										

..., ngày ... tháng ... năm ...

Kiểm soát
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

Lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Ban Lãnh đạo NHNN (để báo cáo);
- Vụ Chính sách tiền tệ;
- Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng;
- Vụ Tín dụng các ngành kinh tế.
- Lưu: ...

AS